

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Thới An Đông, ngày 04 tháng 9 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
thu, chi ngân sách địa phương năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ;*

*Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của phường Thới An Đông như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Nội dung                                                   | Thành phố<br>giao | HĐND<br>Phường giao |
|------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu giao:         | 8.482             | 9.763               |
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương:                          | 109.244           | 122.523             |
| Bao gồm:                                                   |                   |                     |
| - Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:    | 5.490             | 6.314               |
| - Số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:                    | 103.754           | 103.754             |
| - Thu kết dư:                                              |                   | 2.649               |
| - Thu chuyển nguồn năm trước mang sang:                    |                   | 9.806               |
| 3. Tổng chi ngân sách địa phương:                          | 109.244           | 109.244             |
| Bao gồm:                                                   |                   |                     |
| - Chi cân đối ngân sách địa phương:                        | 109.244           | 109.244             |
| - Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên: | -                 | -                   |

(Kèm theo Phụ lục I, II và III)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông khóa XII, kỳ họp thứ ba thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIX;
- Thuế cơ sở 3 thành phố Cần Thơ;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- CT, các PCT HĐND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các Phòng, Ban, ngành phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

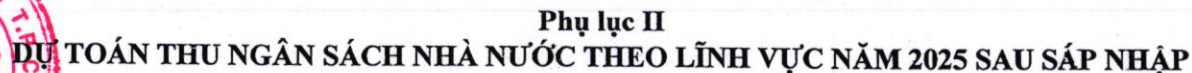
**Lê Hoàng Thủy Trinh**



**Phụ lục I**  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP**  
(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                  | Dự toán trước sáp nhập | Trong đó:     |                |                     |                       | Dự toán thành phố sau sáp nhập | Dự toán HĐND phường sau sáp nhập |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------|---------------|----------------|---------------------|-----------------------|--------------------------------|----------------------------------|
|            |                                                           |                        | Phường Trà An | Phường Trà Nóc | Phường Thới An Đông | NS quận trước sáp xếp |                                |                                  |
| <i>A</i>   | <i>B</i>                                                  | <i>I=2+3+4+5</i>       | <i>2</i>      | <i>3</i>       | <i>4</i>            | <i>5</i>              | <i>6</i>                       | <i>7</i>                         |
| <b>A</b>   | <b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                | 121.699                | 12.473        | 15.026         | 14.894              | 79.306                | 109.244                        | 122.523                          |
| <b>I</b>   | <b>Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp</b>  | 5.490                  | 1.539         | 2.522          | 1.429               | -                     | 5.490                          | 6.314                            |
| 1          | Thu ngân sách địa phương hưởng 100%                       | 605                    | 130           | 300            | 175                 |                       | 605                            | 696                              |
| 2          | Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia | 4.885                  | 1.409         | 2.222          | 1.254               |                       | 4.885                          | 5.618                            |
| <b>II</b>  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                  | 103.754                | 7.440         | 7.194          | 10.001              | 79.119                | 103.754                        | 103.754                          |
| 1          | Thu bổ sung cân đối ngân sách                             | 102.455                | 7.311         | 7.065          | 9.851               | 78.228                | 103.754                        | 103.754                          |
| 2          | Thu bổ sung có mục tiêu                                   | -                      | -             | -              | -                   |                       | -                              | -                                |
| 3          | Thu từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên                     | 1.299                  | 129           | 129            | 150                 | 891                   |                                |                                  |
| <b>III</b> | <b>Thu kết dư</b>                                         | 2.649                  | 633           | 1.005          | 1.011               |                       |                                | 2.649                            |
| <b>IV</b>  | <b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>          | 9.806                  | 2.861         | 4.305          | 2.453               | 187                   |                                | 9.806                            |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                      | 109.244                | 8.979         | 9.716          | 11.430              | 79.119                | 109.244                        | 109.244                          |
| <b>I</b>   | <b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>              | 109.244                | 8.979         | 9.716          | 11.430              | 79.119                | 109.244                        | 109.244                          |
| 1          | Chi đầu tư phát triển                                     | -                      |               |                |                     |                       | -                              | -                                |
| 2          | Chi thường xuyên                                          | 107.102                | 8.803         | 9.525          | 11.206              | 77.568                | 107.102                        | 107.102                          |
| 3          | Dự phòng ngân sách                                        | 2.142                  | 176           | 191            | 224                 | 1.551                 | 2.142                          | 2.142                            |
| <b>II</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu</b>                      |                        |               |                |                     |                       |                                |                                  |
| <b>III</b> | <b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>                         |                        |               |                |                     |                       |                                |                                  |
| <b>IV</b>  | <b>Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>          |                        |               |                |                     |                       |                                |                                  |

[illegible]



**Phụ lục III**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

| STT        | Nội dung                                         | Dự toán trước<br>sáp nhập     | Trong đó:        |                   |                           |                             | Dự toán<br>sau sáp<br>nhập |
|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------------|
|            |                                                  |                               | Phường<br>Trà An | Phường<br>Trà Nóc | Phường<br>Thới An<br>Đông | NS quận<br>trước sáp<br>xếp |                            |
| <b>A</b>   | <b>B</b>                                         | <b><math>I=2+3+4+5</math></b> | <b>2</b>         | <b>3</b>          | <b>4</b>                  | <b>5</b>                    | <b>6</b>                   |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>             | <b>109.244</b>                | <b>8.979</b>     | <b>9.716</b>      | <b>11.430</b>             | <b>79.119</b>               | <b>109.244</b>             |
| <b>A</b>   | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>          | <b>109.244</b>                | <b>8.979</b>     | <b>9.716</b>      | <b>11.430</b>             | <b>79.119</b>               | <b>109.244</b>             |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                     | -                             |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                          | <b>107.102</b>                | <b>8.803</b>     | <b>9.525</b>      | <b>11.206</b>             | <b>77.568</b>               | <b>107.102</b>             |
|            | <i>Trong đó:</i>                                 | -                             |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <i>1</i>   | <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>        | <i>77.730</i>                 | <i>54</i>        | <i>54</i>         | <i>54</i>                 | <i>77.568</i>               | <i>77.568</i>              |
| <i>2</i>   | <i>Chi khoa học và công nghệ</i>                 | -                             |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <b>III</b> | <b>Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b> | -                             |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <b>IV</b>  | <b>Dự phòng ngân sách</b>                        | <b>2.142</b>                  | <b>176</b>       | <b>191</b>        | <b>224</b>                | <b>1.551</b>                | <b>2.142</b>               |
| <b>V</b>   | <b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>      |                               |                  |                   |                           |                             |                            |
| <b>B</b>   | <b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>             |                               |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <b>I</b>   | <b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>    |                               |                  |                   |                           |                             |                            |
| <b>II</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>   |                               |                  |                   |                           |                             | -                          |
| <b>C</b>   | <b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>                |                               |                  |                   |                           |                             |                            |